

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NĐ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2023/DS-PT

Ngày: 08 - 12 - 2023

V/v: Tranh chấp đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NĐ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Thẩm phán: Ông Lại Văn Tùng

Bà Vũ Thị Thu

- Thư ký phiên toà: Bùi Xuân Sơn - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh NĐ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh NĐ tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Phương Nhung - Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh NĐ mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 85/2022/TLPT-DS ngày 20/10/2023 về việc “Tranh chấp đòi tài sản”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 29/2023/DS – ST ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện GT bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 80/2023/QĐXX-PT ngày 14/11/2023.

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị B, sinh năm 1968; địa chỉ: Xóm Minh Tân, xã Giao Châu, huyện GT, tỉnh NĐ;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị B: Anh Lê Xuân P; sinh năm 1988; địa chỉ: Xóm Minh Tân, xã Giao Châu, huyện GT, tỉnh NĐ (Văn bản ủy quyền ngày 27-4-2023);

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1975; địa chỉ: Xóm Minh Tân, xã Giao Châu, huyện GT, tỉnh NĐ.

3. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Q là bị đơn trong vụ án

Tại phiên toà có mặt anh Phương, bà Q

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 14-6-2023 và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là bà Phạm Thị B trình bày: Bà và bà Nguyễn Thị

Q là hàng xóm của nhau. Cuối năm 2016 đầu năm 2017, bà có vào 02 phường vàng do bà Q làm trù; phường đóng theo vụ một năm 2 lần (6 tháng/lần vào ngày 20 âm lịch của tháng cuối vụ), mỗi lần đóng 1 chỉ vàng 9999, ai lấy phường rồi thì phải đóng 1,3 chỉ vàng 9999; người rút phường phải trả công cho bà Q 1 phân vàng. Khi chơi không tổ chức ăn gặp mặt, bà Q là người trực tiếp thu phường hoặc bà tới nhà bà Q đóng phường; mỗi phường có 12 thành viên. Việc vào phường không liên quan tới chồng bà và chồng bà Q và cũng không liên quan tới các thành viên; chỉ có bà và bà Q thỏa thuận với nhau. Theo thứ tự bà lấy chương cuối của cả 02 bát phường, bát phường thứ nhất bà lấy vào ngày 18-7-2022, bát phường thứ hai lấy vào ngày 11-01-2023. Đến nay bà Q mới trả cho bà được 17 chỉ vàng 9999, số vàng còn lại bà đòi nhiều lần nhưng bà Q không trả, nay bà làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Q phải trả cho bà 11,4 chỉ vàng 9999.

* Tại bản tự khai ngày 06-7-2023 và các văn bản khác có trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa anh Lê Xuân P là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày: Anh giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, việc bà B (mẹ anh) vào 02 chiếc phường vàng do bà Q làm trù là sự thật, bà B đã đóng 02 phường này cho bà Q tổng là 22 chỉ vàng 9999 và bà B là người rút cuối cả hai phường, vì hai phường này kết thúc chỉ cách nhau có 06 tháng. Sau khi kết thúc phường thứ nhất bà Q trả dần cho bà B làm nhiều lần đến ngày 24-02-2023 tổng trả được 17 chỉ vàng 9999, hai bên chốt sổ bà Q còn nợ bà B 11,4 chỉ vàng 9999. Nay yêu cầu bà Q phải trả cho bà B số vàng còn nợ.

* Tại bản tự khai ngày 06-7-2023 và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, cũng như tại phiên tòa, bị đơn là bà Nguyễn Thị Q trình bày: Ngày 20/12/2016 và ngày 20/6/2017, bà có dựng 2 phường vàng do bà làm trù, thống nhất một năm rút phường 2 lần vào ngày 20-6 và 20-12 hàng năm, không có giấy tờ biên bản phường. Bà B đã tự nguyện đóng hai phường này cho bà 22 chỉ vàng, tính đến ngày 24/3/2022 bà đã trả cho mẹ con bà B 17 chỉ vàng, hiện bà chỉ còn nợ bà B 05 chỉ vàng. Số vàng bà B khởi kiện 11,4 chỉ là bao gồm cả gốc và lãi, nay bà chỉ đồng ý trả bà B 05 chỉ vàng 9999 gốc, còn khoản lãi 6,4 chỉ vàng 9999 bà xin.

* Các đương sự thống nhất giá vàng tại thời điểm xét xử là: 5.540.000 đồng/01 chỉ vàng 9999.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2023/DS – ST ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện GT quyết định.

Căn cứ vào: Điều 164, Điều 166 của Bộ luật Dân sự; Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị B;

Buộc bà Nguyễn Thị Q có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị B 11,4 chỉ vàng 9999.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Phạm Thị B không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà Phạm Thị B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.570.000 đồng tại biên lai thu số 0000556 ngày 04 tháng 7 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện GT.

- Bà Nguyễn Thị Q phải nộp số tiền: 3.157.000 đồng (ba triệu một trăm năm mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

* Ngày 06/9/2023 bà Nguyễn Thị Q kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tuyên bố giao dịch phường vàng giữa bà và bà B vô hiệu. Bà Q tự nguyện trả cho bà B nợ gốc 05 chỉ vàng 9999, không chấp nhận yêu cầu của bà B đòi khoản lãi là 6,4 chỉ vàng 9999. Ngoài ra bà Q còn đề nghị Tòa án phúc thẩm miễn án phí cho bà do hoàn cảnh khó khăn

* Tại phiên tòa các đương sự vẫn giữ nguyên nội dung trình bày, quan điểm, yêu cầu như đã nêu trên.

Bà Q vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, bà xác nhận còn nợ bà B 11,4 chỉ vàng 9999 (*Trong đó có 05 chỉ gốc; 6,4 chỉ lãi*). Do hoàn gia đình bà khó khăn nên bà nhận trách nhiệm trả bà B số vàng gốc là 05 chỉ vàng 9999, còn khoản lãi là 6,4 chỉ vàng 9999 bà xin bà B.

Anh Phương không chấp nhận kháng cáo của bà Q, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh ND phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Q. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Q trả bằng vàng là không đúng quy định của pháp luật, cần quy đổi thành tiền tại thời điểm xét xử sơ thẩm, Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm số 29/2023/DS – ST ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện GT theo hướng nêu trên.

- Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Q làm trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn:

Các đương sự đều thống nhất xác định bà Q và bà B tự thỏa thuận giao dịch chơi phường vàng với nhau là hoàn toàn tự nguyện, không liên quan đến thành viên nào khác, không liên quan đến chồng bà Q và bà B. Từ năm 2016 đến năm 2022 bà B chơi hai phường vàng do bà Q làm chủ, các bên thỏa thuận mỗi phường là 12 thành viên, mỗi năm đóng phường 2 lần, mỗi lần 01 chỉ vàng 9999,

ai lấy rồi thì đóng 1,3 chỉ vàng 9999. Bà B là người lấy cuối của cả hai phường này, hai phường kết thúc chỉ cách nhau có 06 tháng, bà B đã đóng cho bà Q tổng là 22 chỉ vàng 9999. Sau khi kết thúc phường thứ nhất bà Q trả dân cho bà B làm nhiều lần; ngày 11/9/2022 hai bên lập giấy xác nhận đóng phường vàng, theo đó tính đến ngày 11/9/2022 bà B được nhận cả gốc và lãi là 14,2 chỉ vàng 9999. Tính đến ngày 24-02-2023 bà Q trả cho bà B được 17 chỉ vàng 9999, hai bên chốt sổ bà Q còn nợ bà B 11,4 chỉ vàng 9999.

Tại phiên toà phúc thẩm bà Q vẫn thừa nhận việc chơi phường vàng với bà B và còn nợ số vàng như bà B trình bày, bà nhận trách nhiệm trả bà B số vàng gốc là 05 chỉ vàng 9999, còn khoản lãi là 6,4 chỉ vàng 9999 bà xin bà B.

Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc bà Q phải trả cho bà B 11,4 chỉ vàng 9999 và buộc bà Q phải chịu án phí là có căn cứ, kháng cáo của bà Q không được chấp nhận.

Tuy nhiên Toà án cấp sơ thẩm buộc bà Q trả bằng vàng là không đúng quy định của pháp luật, cần quy đổi thành tiền tại thời điểm xét xử sơ thẩm, giá vàng 9999 tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 5.540.000đ /1 chỉ, bà Q phải trả cho bà B trị giá 11,4 chỉ vàng 9999 là 63.156.000 đồng. Vì vậy cần sửa phần quyết định của bản án sơ thẩm theo nhận định nêu trên.

[3] Về án phí:

Do sửa bản án sơ thẩm nên bà Q không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm, được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 29/2023/DS – ST ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện GT.

Áp dụng Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị B;

Buộc bà Nguyễn Thị Q trả cho bà Phạm Thị B trị giá 11,4 chỉ vàng 9999 là 63.156.000đ (Sáu mươi ba triệu, một trăm năm mươi sáu nghìn đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền. Hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí:

- Bà Nguyễn Thị Q phải nộp 3.157.000 đồng (*ba triệu một trăm năm mươi bảy nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Q không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm, được trả lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000đ tại biên lai số 0000588 ngày 22/9/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện GT. Đối trừ với số tiền án phí sơ thẩm bà Q phải nộp 3.157.000 đồng, bà Q còn phải nộp 2.857.800đ (*Hai triệu, tám trăm năm mươi bảy nghìn, tám trăm đồng*).

- Bà Phạm Thị B không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.570.000đ (*một triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng*) tại biên lai thu số 0000556 ngày 04 tháng 7 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện GT.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh ND;
- TAND huyện GT
- Chi cục THADS huyện GT;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Tiến Dũng